

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 31
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07 - 08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 04 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 3.299.945.720.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, cơ những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/04/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		599.023.613.867	365.321.460.701
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	157.870.528.488	154.445.677.790
111	1. Tiền		9.870.528.488	6.445.677.790
112	2. Các khoản tương đương tiền		148.000.000.000	148.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	83.175.000.000	83.175.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.175.000.000	83.175.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		211.697.445.671	20.967.246.999
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	6.200.668.321	16.550.773.012
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		201.471.202.298	3.522.318.389
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	4.025.575.052	894.155.598
140	IV. Hàng tồn kho	07	135.681.764.056	103.077.842.276
141	1. Hàng tồn kho		136.604.444.056	104.000.522.276
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(922.680.000)	(922.680.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.598.875.652	3.655.693.636
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	66.666.664
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.598.875.652	3.585.963.972
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	3.063.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.115.076.954.911	1.023.160.413.525
220	II. Tài sản cố định		287.458.931.503	288.368.222.656
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	39.000.295.791	39.859.877.862
222	- Nguyên giá		76.301.795.101	76.301.795.101
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.301.499.310)	(36.441.917.239)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	248.458.635.712	248.508.344.794
228	- Nguyên giá		251.329.385.890	251.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.870.750.178)	(2.821.041.096)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	32.406.022.221	28.392.190.869
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.406.022.221	28.392.190.869
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.795.212.001.187	706.400.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.009.409.650.000	356.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.785.802.351.187	350.400.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.714.100.568.778	1.388.481.874.226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/04/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.116.876.946	109.413.621.868
310	I. Nợ ngắn hạn		11.116.876.946	109.413.621.868
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.173.676.468	2.184.604.045
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.247.953.074	105.222.088.264
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.003.840.238	762.142.020
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	1.553.811.103	1.107.191.476
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.702.983.691.832	1.279.068.252.358
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	3.702.983.691.832	1.279.068.252.358
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.299.945.720.000	1.200.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.299.945.720.000	1.200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		403.037.971.832	79.068.252.358
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		79.068.252.358	79.068.252.358
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		323.969.719.474	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.714.100.568.778	1.388.481.874.226

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	87.332.354.470	129.910.655.105
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	87.332.354.470	129.910.655.105
11	4. Giá vốn hàng bán	18	83.398.195.279	91.139.096.728
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.934.159.191	38.771.558.377
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	324.071.010.368	1.502.561.847
22	7. Chi phí tài chính		-	2.376.222.779
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	224.592.291	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.816.964.926	1.506.932.990
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		324.963.612.342	36.390.964.455
31	11. Thu nhập khác		1.000.000	-
32	12. Chi phí khác		63.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		937.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		324.964.549.342	36.390.964.455
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	994.829.868	8.006.012.180
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		323.969.719.474	28.384.952.275

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		324.964.549.342	36.390.964.455
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(323.161.719.215)	1.265.245.347
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		909.291.153	787.525.335
03	- Các khoản dự phòng		-	1.971.988.779
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(324.071.010.368)	(1.494.268.767)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.802.830.127	37.656.209.802
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(197.740.047.352)	(9.891.437.438)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(32.603.921.780)	(51.155.479.665)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(98.538.607.374)	9.758.879.728
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		66.666.664	8.146.361
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(752.967.416)	(346.423.656)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(327.766.047.131)	(13.970.104.868)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.013.831.352)	(2.982.080.326)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000.000)	(185.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	160.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.088.812.001.187)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		324.071.010.368	1.494.268.767
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.768.754.822.171)	(26.887.811.559)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.099.945.720.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.099.945.720.000</i>	<i>-</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.424.850.698	(40.857.916.427)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		154.445.677.790	408.256.684.863
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>157.870.528.488</u>	<u>367.398.768.436</u>

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 04 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 3.299.945.720.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.299.945.720.000 đồng; Tương đương 329.994.572 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng sắt;
- Vận tải quặng sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;

Hoạt động chính của Công ty (tiếp):

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động)
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08/2016/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2016 về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường số 02/2016/NQ-ĐHCĐ ngày 30/03/2016, theo đó, số lượng cổ phiếu được cổ đông hiện hữu đăng ký mua và được phát hành thực tế là: 209.994.572 cổ phiếu, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu. Vốn điều lệ Công ty tăng từ 1.200.000.000.000 đồng lên 3.299.945.720.000 đồng.
- Ngày 19 tháng 04 năm 2016, Công ty đã có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 8a/NQ-HĐQT về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu và góp vốn thành lập Các Công ty gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang, Công ty Phát triển Thương mại Việt Dũng. Theo đó, Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp vốn bổ sung vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà tăng từ 42,50% lên 48,00%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp vốn bổ sung tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu từ 44,44% lên 47,50%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang là: 45,00% và Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Dũng là 46,5%.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08b/2016/NQ-HĐQT ngày 19/4/2016 về việc góp vốn cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương Mại Hưng Việt lên 1.000 tỷ và Nghị quyết số 08d/2016/NQ-HĐQT ngày 20/05/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo đó, tới nay, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ là 99.997.000 cổ phần, tương ứng 99,997% tổng số vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt.
- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 8c/2016/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc mua và nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS). Tới nay số cổ phần Công ty đã mua và nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) là 67.420.772 cổ phiếu, tương ứng 24,54%.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
Tiền mặt	558.237.298	624.060.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.312.291.190	5.821.617.366
Các khoản tương đương tiền	148.000.000.000	148.000.000.000
	157.870.528.488	154.445.677.790

Tại thời điểm 31/03/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ ngày 30/03/2016 đến 31/05/2016 có giá trị 148.000.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất là: 5,3%/ năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	83.175.000.000	-	83.175.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.175.000.000		83.175.000.000	
	83.175.000.000	-	83.175.000.000	-

(*) Tại thời điểm 30/06/2016, khoản Đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng. Theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số: 33175.30012016/HĐTGT/TPB-PHG ngày 30/01/2016 và hợp đồng số: 50.30012016/HĐTGT/TPB-PHG ngày 30/01/2016 thì lãi suất tiền gửi có kỳ hạn là 6,2%/ năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016				01/04/2016			
	Giá gốc		Giá trị hợp lý		Giá gốc		Giá trị hợp lý	
	VND		VND		VND		VND	
Đầu tư vào Công ty con	1.009.409.650.000		1.009.409.650.000		-		356.000.000.000	
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1.009.409.650.000		1.009.409.650.000		-		356.000.000.000	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.187.600.000.000		1.187.600.000.000		-		350.400.000.000	
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	266.000.000.000		266.000.000.000		-		80.000.000.000	
- Công ty CP Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000		134.400.000.000		-		134.400.000.000	
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312.000.000.000		312.000.000.000		-		136.000.000.000	
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế Vĩnh Quang	252.000.000.000		252.000.000.000		-		-	
- Công ty CP Phát triển Thương mại Việt Dũng	223.200.000.000		223.200.000.000		-		-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	598.202.351.187		598.202.351.187		-		-	
	2.795.212.001.187		2.795.212.001.187				706.400.000.000	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,99%	99,99%	Đầu tư bất động sản

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con:

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08d/2016/NQ-HĐQT ngày 20/05/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt, theo đó, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ là 99.997.000 cổ phần, tương ứng 99,997% tổng số vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Km 9 QL5 Nam Sơn, An Dương Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Số 212 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải ...
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Dũng	Số 324 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, xe máy, bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Số 116, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	24,54%	24,54%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

Ngày 19/04/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có Quyết định số 8a/NQ-HĐQT về việc góp vốn bổ sung vào các Công ty liên kết và góp vốn thành lập Công ty mới. Theo đó, Quyền sở hữu và Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đối với các Công ty liên kết và công ty mới như sau:

- + Quyền biểu quyết và Quyền sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà tăng từ 42,50% lên 48%;
- + Quyền biểu quyết và Quyền sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu tăng từ 44,44% lên 47,5%;
- + Góp 252.000.000.000 đồng thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang, theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ 45,00% Quyền biểu quyết và Quyền sở hữu với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang;
- + Góp 223.000.000.000 đồng thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Thương Mại Việt Dũng, theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ 46,50% Quyền biểu quyết và Quyền sở hữu với Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Dũng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 8c/2016/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc mua và nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS), số cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) là 67.420.772 cổ phiếu, tương ứng 24,54%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 26.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Nam Ninh	695.000.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Quốc Tú	1.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	1.362.500.000	160.000.000
- NAVISTAR, INC	1.040.205.000	1.040.205.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	2.580.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vận tải Đức Vinh	-	1.848.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Ngọc Việt	-	4.200.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.302.963.321	6.722.568.012
	6.200.668.321	16.550.773.012
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán	6.200.668.321	16.550.773.012
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	6.200.668.321	16.550.773.012
	6.200.668.321	16.550.773.012
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	351.999.999

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

			01/04/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi	4.025.575.052	-	892.938.473	-
- Phải thu về BHXH	-	-	1.217.125	-
	4.025.575.052	-	894.155.598	-

7. HÀNG TỒN KHO

	01/04/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.460.858.422	-	147.064.192	-
- Thành phẩm	2.345.737.197	-	73.371.723.771	-
- Hàng hóa	131.326.621.076	(922.680.000)	26.417.033.803	(922.680.000)
- Hàng gửi bán	1.471.227.361	-	4.064.700.510	-
	136.604.444.056	(922.680.000)	104.000.522.276	(922.680.000)

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	32.406.022.221	28.392.190.869
<i>Công trình Tòa nhà 183 Bà Triệu</i>	<i>32.406.022.221</i>	<i>28.392.190.869</i>
	32.406.022.221	28.392.190.869

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	64.812.022.498	2.015.589.550	8.663.227.727	735.045.826	75.909.500	76.301.795.101
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	64.812.022.498	2.015.589.550	8.663.227.727	735.045.826	75.909.500	76.301.795.101
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.965.508.896	1.924.717.609	5.077.182.750	468.182.192	6.325.792	36.441.917.239
- Khấu hao trong kỳ	585.958.893.000	9.492.495.000	234.901.086.000	19.740.909.000	9.488.688.000	859.582.071.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	29.551.467.789	1.934.210.104	5.312.083.836	487.923.101	15.814.480	37.301.499.310
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	35.846.513.602	90.871.941	3.586.044.977	266.863.634	69.583.708	39.859.877.862
Tại ngày cuối kỳ	35.260.554.709	81.379.446	3.351.143.891	247.122.725	60.095.020	39.000.295.791

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

12.043.512.606 đồng

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	251.217.489.700	111.896.190	251.329.385.890
Số dư cuối kỳ	251.217.489.700	111.896.190	251.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.709.144.906	111.896.190	2.821.041.096
- Khấu hao trong kỳ	49.709.082	-	49.709.082
Số dư cuối kỳ	2.758.853.988	111.896.190	2.870.750.178
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	248.508.344.794	-	248.508.344.794
Tại ngày cuối kỳ	248.458.635.712	-	248.458.635.712

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

			01/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV ô tô Trung	287.169.094	287.169.094	287.169.094	287.169.094
- Công ty TNHH Tư vấn Giám sát và Xây dựng La Thành Đô	545.537.545	545.537.545	545.537.545	545.537.545
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân	148.537.620	148.537.620	148.537.620	148.537.620
- NAVISTAR, INC	-	-	641.357.676	641.357.676
- Phải trả các đối tượng khác	192.432.209	192.432.209	562.002.110	562.002.110
	1.173.676.468	1.173.676.468	2.184.604.045	2.184.604.045
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn				
- Phải trả người bán ngắn hạn	1.173.676.468	1.173.676.468	2.184.604.045	2.184.604.045
	1.173.676.468	1.173.676.468	2.184.604.045	2.184.604.045

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	63.000	-	(63.000)	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	752.967.416	994.829.868	752.967.416	-	994.829.868
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.174.604	116.614.310	116.778.544	-	9.010.370
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	3.063.000	762.142.020	1.114.381.178	869.745.960	-	1.003.840.238

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÁN HẠN

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng, văn phòng	1.553.811.103	1.107.191.476
	1.553.811.103	1.107.191.476

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1.089.897.347.451	5.351.664.809	1.095.249.012.260
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	28.384.952.275	28.384.952.275
Số dư cuối kỳ trước	1.089.897.347.451	33.736.617.084	1.123.633.964.535
Số dư đầu kỳ này	1.200.000.000.000	79.068.252.358	1.279.068.252.358
Lãi trong kỳ này	2.099.945.720.000	323.969.719.474	2.423.915.439.474
Số dư cuối kỳ này	3.299.945.720.000	403.037.971.832	3.702.983.691.832

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông:	3.299.945.720.000	100%	1.200.000.000.000	100%
- Ông Đỗ Hữu Hạ	1.373.487.500.000	41,62%	600.000.000.000	50%
- Ông Đỗ Hữu Hậu	165.000.000.000	5,00%	60.000.000.000	5%
- Cổ đông khác	1.761.458.220.000	53,38%	540.000.000.000	45%
	3.299.945.720.000	100%	1.200.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.994.572	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.994.572	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	329.994.572	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.994.572	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	329.994.572	120.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2016	01/04/2016
- Đô la Mỹ	USD	1.506,03	1.506,59
- Euro	EUR	8,95	8,95

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.181.859.250	108.601.773.893
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	-	660.000.000
Doanh thu bán thùng xe tải	9.390.000.000	18.588.000.000
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	69.369.090.921	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.391.404.299	2.060.881.212
	87.332.354.470	129.910.655.105
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	101.336.818.182	18.893.765.582

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	5.181.859.250	108.601.773.893
Doanh thu thuần bán thành phẩm xưởng oto	-	660.000.000
Doanh thu thuần bán thùng xe tải	9.390.000.000	18.588.000.000
Doanh thu thuần bán oto đầu kéo Mỹ và linh kiện	69.369.090.921	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.391.404.299	2.060.881.212
	87.332.354.470	129.910.655.105

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	4.646.411.796	72.753.394.279
Giá vốn của thành phẩm xưởng oto đã bán	-	642.058.765
Giá vốn của thùng xe tải đã bán	7.695.789.807	16.465.110.857
Giá vốn của oto đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	69.923.292.493	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.132.701.183	1.278.532.827
	83.398.195.279	91.139.096.728

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.080.610.368	1.494.268.767
Cổ tức, lợi nhuận được chia	319.990.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	8.293.080
	324.071.010.368	1.502.561.847

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	209.673.137	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.919.154	-
	224.592.291	-

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	440.795.100	377.952.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	774.399.597	416.168.718
Thuế, phí, và lệ phí	415.724.639	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.119.590	712.811.732
Chi phí khác bằng tiền	299.926.000	-
	2.816.964.926	1.506.932.990

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	324.964.549.342	36.390.964.455
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(319.990.400.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(319.990.400.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.974.149.342	36.390.964.455
	994.829.868	8.006.012.180

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	752.967.416
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(752.967.416)
	994.829.868
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	994.829.868

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	01/04/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.870.528.488	-	154.445.677.790	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.226.243.373	-	17.444.928.610	-
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	83.175.000.000	-
	251.271.771.861	-	255.065.606.400	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.173.676.468	2.184.604.045
	1.173.676.468	2.184.604.045

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2016	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.870.528.488	-	-	157.870.528.488
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.226.243.373	-	-	10.226.243.373
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	-	83.175.000.000
	251.271.771.861	-	-	251.271.771.861
Tại ngày 01/04/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.445.677.790	-	-	154.445.677.790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.444.928.610	-	-	17.444.928.610
	171.890.606.400	-	-	171.890.606.400

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2016	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	1.173.676.468	-	-	1.173.676.468
	1.173.676.468	-	-	1.173.676.468
Tại ngày 01/04/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.184.604.045	-	-	2.184.604.045
	2.184.604.045	-	-	2.184.604.045

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08/2016/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2016 về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường số 02/2016/NQ-ĐHCĐ ngày 30/03/2016. Theo đó, số lượng cổ phiếu được cổ đông hiện hữu đăng ký mua và được phát hành thực tế là: 209.994.572 cổ phiếu; mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu. Vốn điều lệ Công ty tăng từ 1.200.000.000.000 đồng lên 3.299.945.720.000 đồng.

Ngày 19 tháng 04 năm 2016, Công ty đã có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 8a/NQ-HĐQT về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu và góp vốn thành lập Các Công ty gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang, Công ty Phát triển Thương mại Việt Dũng. Theo đó, Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp bổ sung vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà tăng từ 42,50% lên 48,00%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp vốn bổ sung tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu từ 44,44% lên 47,50%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang là: 45,00% và Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Dũng là 46,5%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 8c/2016/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc mua và nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS). Tới nay số cổ phần Công ty đã mua và nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) là 67.420.772 cổ phiếu, tương ứng 24,54%.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08b/2016/NQ-HĐQT ngày 19/4/2016 về việc góp vốn cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương Mại Hưng Việt lên 1.000 tỷ và Nghị quyết số 08d/2016/NQ-HĐQT ngày 20/05/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo đó, tới nay, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ là 99.997.000 cổ

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	8.476.818.182	18.893.765.582
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	92.860.000.000	-
Công ty CP DV TM Lâm Hậu	Công ty liên kết	30.000.000	30.000.000
Công ty CP PT DV Trường Giang	Công ty liên kết	4.500.000	-
Công ty CP Đầu tư DV Hoàng Hà	Công ty liên kết	30.000.000	30.000.000
Cho vay			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	27.800.000.000
Lãi vay phải thu trong năm			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	73.624.657
Cổ tức			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	319.990.400.000	

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/04/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	351.999.999
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	101.172.000.000

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương



Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ